

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH T NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quan Lộc.

2. Ông Phạm Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ht, tỉnh T Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ht, tỉnh T Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Phú Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ht, tỉnh T Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị B**, sinh năm 1971 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Trú tại: 54/4 ấp Long H, xã Trường T, huyện Ht, tỉnh T Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Hùng L**, sinh năm 1969 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Trú tại: 144/9 Kp 2, thị trấn Ht, huyện Ht, tỉnh T Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị B và anh L chung sống với nhau từ năm 2004 do tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị B yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Thị Ngọc Hân, sinh ngày 18/02/2005. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hân, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Hùng L trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị B về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn như chị B trình bày. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị B yêu cầu được ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Thị Ngọc Hân, sinh ngày 18/02/2005. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị B nuôi dưỡng, hai bên thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ht tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B, anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị B và anh L chung sống với nhau từ năm 2004 do tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình nên vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Tại các biên bản làm việc, chị B và anh L đều yêu cầu được thuận tình ly hôn nhưng do chị B và anh L không đăng ký kết hôn nên cần tuyên bố không công nhận chị B và anh L là vợ chồng

Về con chung: Có 01 con tên Lê Thị Ngọc Hân, sinh ngày 18/02/2005. Hiện cháu Hân đang sống chung với chị B và cháu Hân cũng có nguyện vọng được sống chung với chị B khi chị B và anh L ly hôn nên giao cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B và anh L trình bày không có.

Về nợ chung: Chị B và anh L trình bày không có.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh Lê Hùng L có nơi cư trú tại nhà số 144/9 Kp 2, thị trấn Ht, huyện Ht, tỉnh T Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Ht, tỉnh T Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lê Hùng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị B và anh L là đúng với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, hôn nhân là do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị B và anh L chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B và anh L đã ly thân hơn 10 năm. Chị B và anh L đều yêu cầu được thuận tình ly hôn, tuy nhiên do chị B và anh L chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cho anh, chị ly hôn hay đoàn tụ mà tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa chị B và anh L là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con tên Lê Thị Ngọc Hân, sinh ngày 18/02/2005. Chị B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con và anh L cũng đồng ý giao cháu Hân cho chị B nuôi dưỡng. Qua làm việc với cháu Hân thì hiện tại cháu Hân đang sống ổn định với chị B và cháu Hân cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị B nên cần giao cháu Hân cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Chị B và anh L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Chị B và anh L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ht là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị B và anh Lê Hùng L là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao chị Phạm Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị Ngọc Hân, sinh ngày 18/02/2005. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị B và anh L trình bày không có.

4. Về nợ chung: Chị B và anh L trình bày không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B pH chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013294 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ht, tỉnh T Ninh, ghi nhận chị B đã nộp xong tiền án phí.

Chị Phạm Thị B, anh Lê Hùng L được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.